

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Ngày 31/12/2025	6,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.5%	-2.9%	-4.2%

DT thuần Q4/25
29.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.40 -4.7%
YoY: ▲ 5.20 21.6%

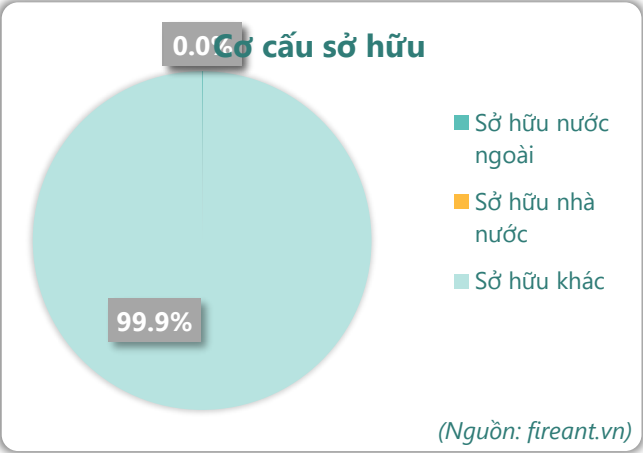
LN thuần Q4/25
14.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.90 -11.9%
YoY: ▲ 6.84 92.8%

LN sau thuế Q4/25
11.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.70 -24.6%
YoY: ▲ 4.78 73.6%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
56.8%
YoY: +/-▲ 1.5%

ROE 2025
7.6%
YoY: +/-▲ 1.7%

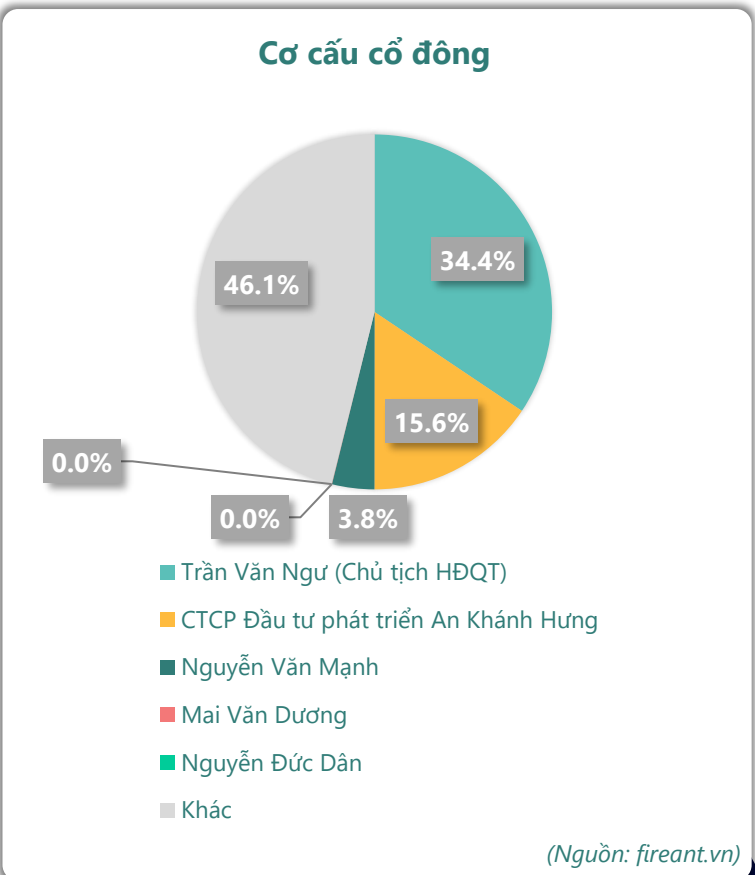
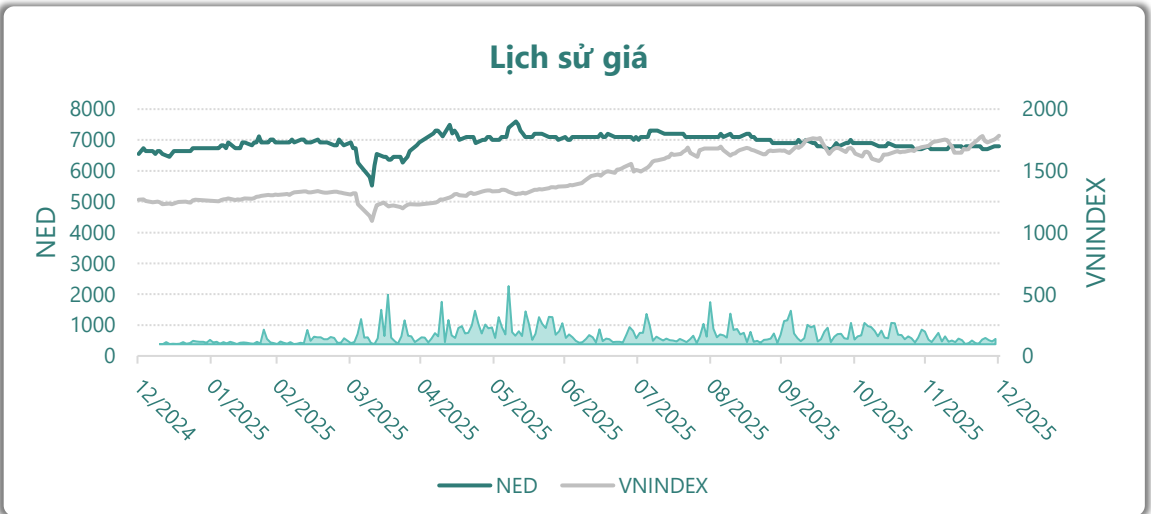
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,522 - 7,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	275
Số lượng CPLH (CP)	40,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,745
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.16
EPS	934
P/E	7.3



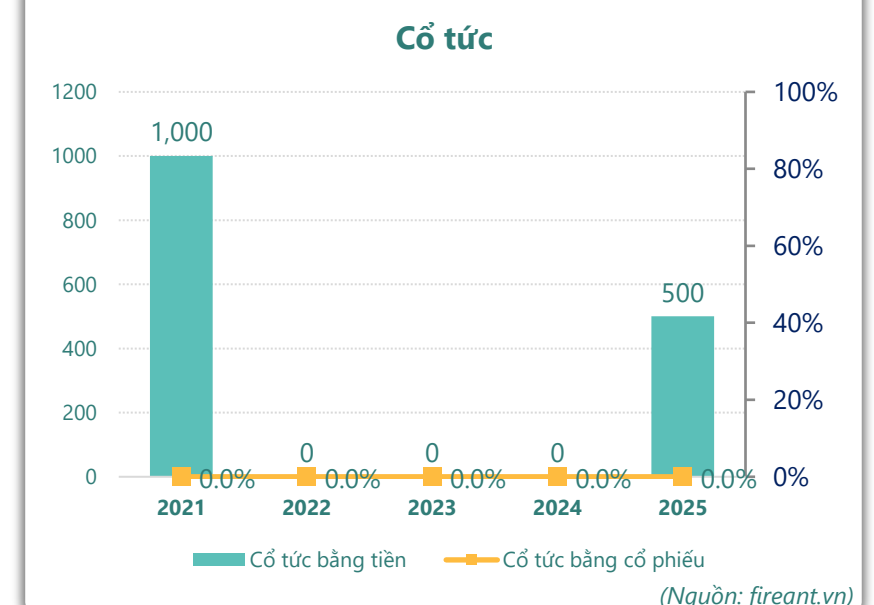
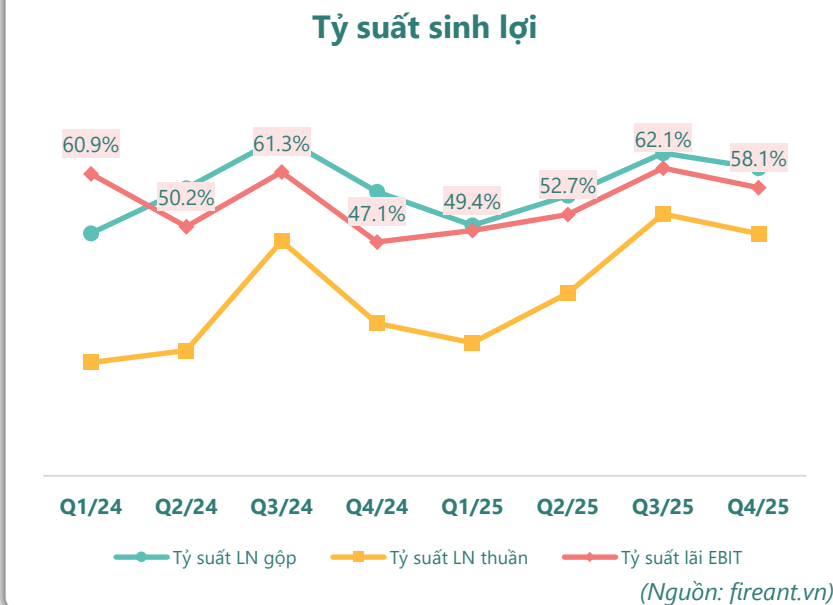
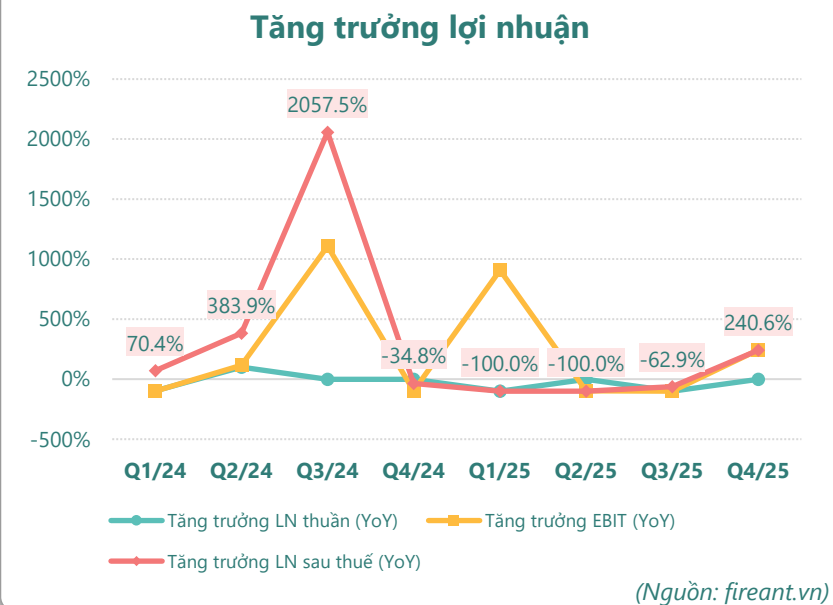
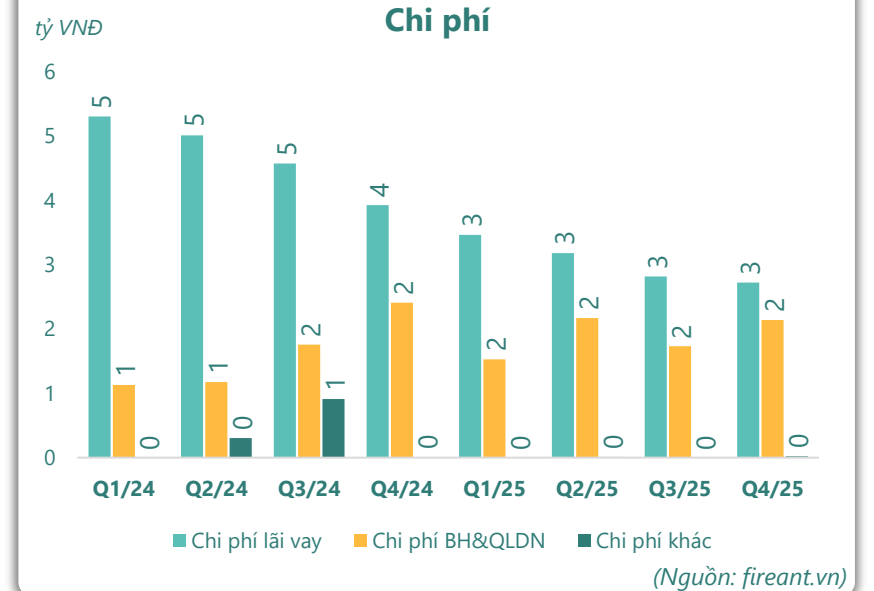
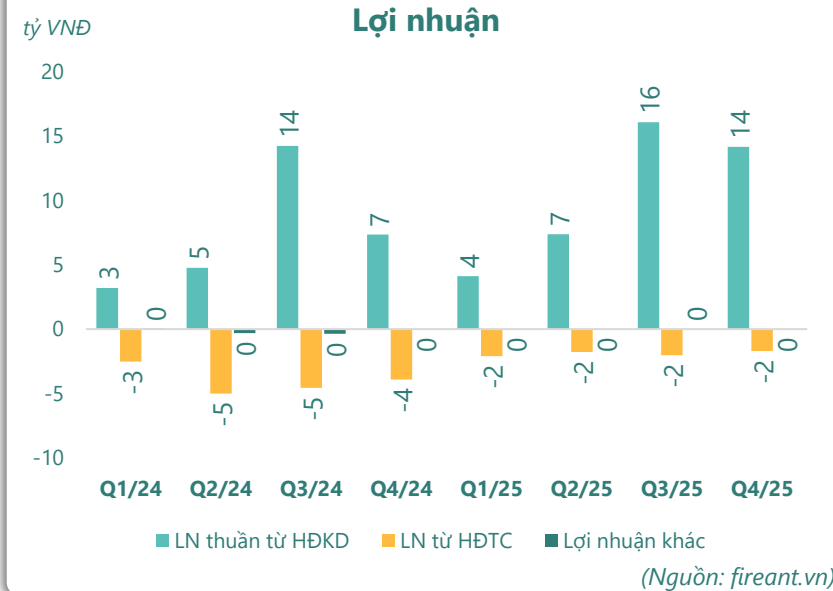
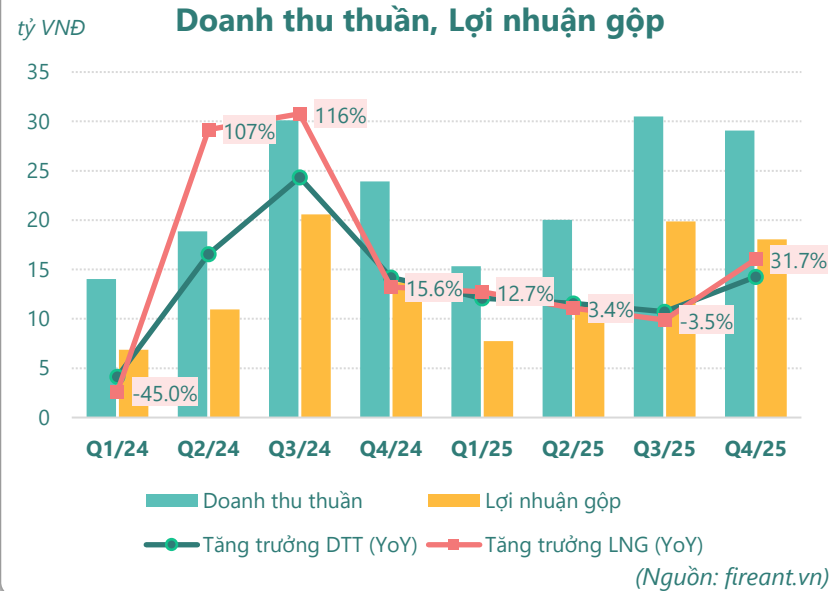
DT thuần 2025
94.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.90 9.2%

LN thuần 2025
41.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.9 39.5%

LN sau thuế 2025
37.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.90 35.4%



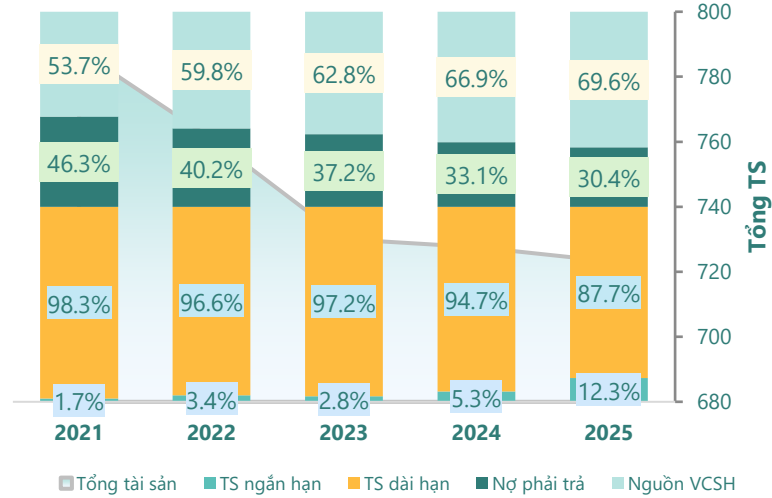
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

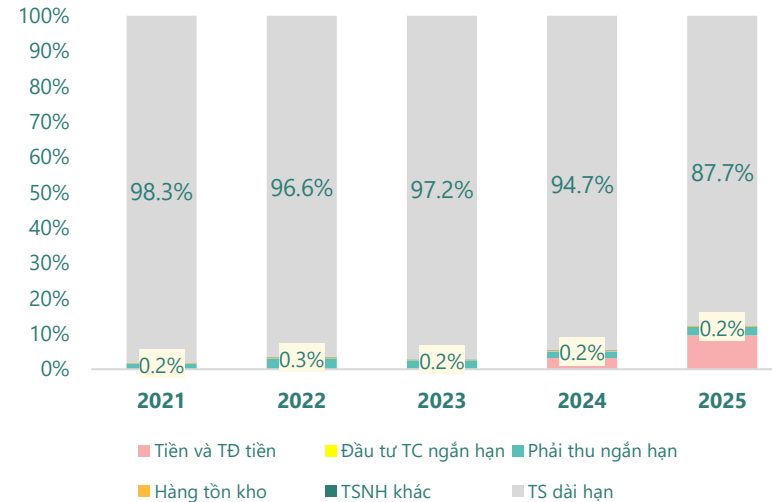
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

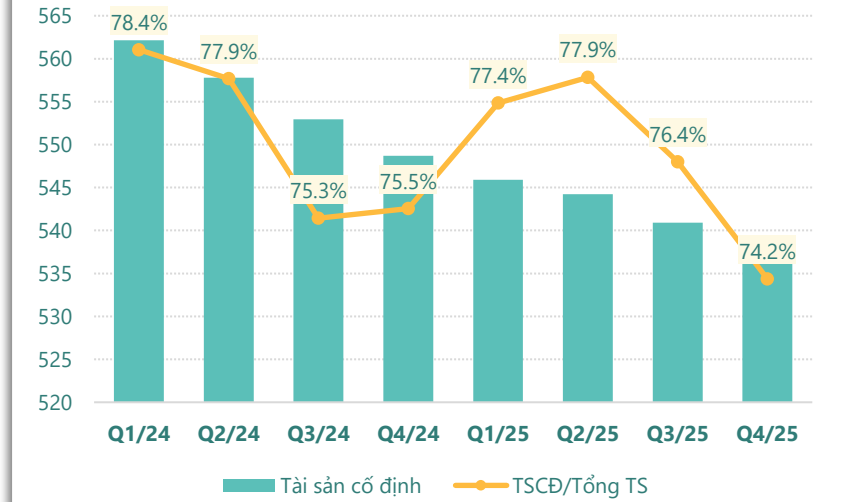
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

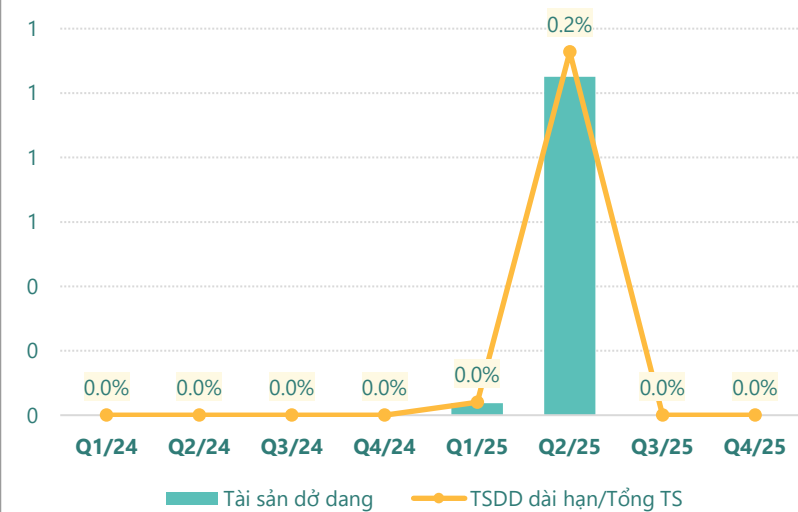
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

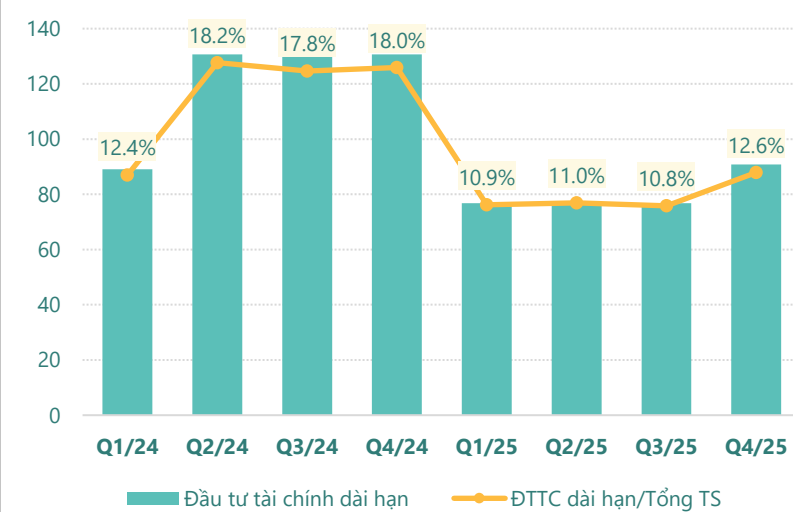
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

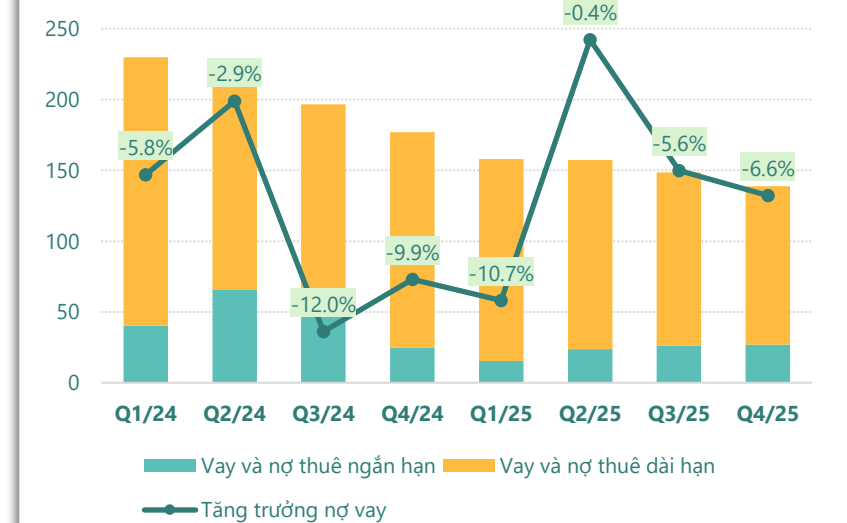
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

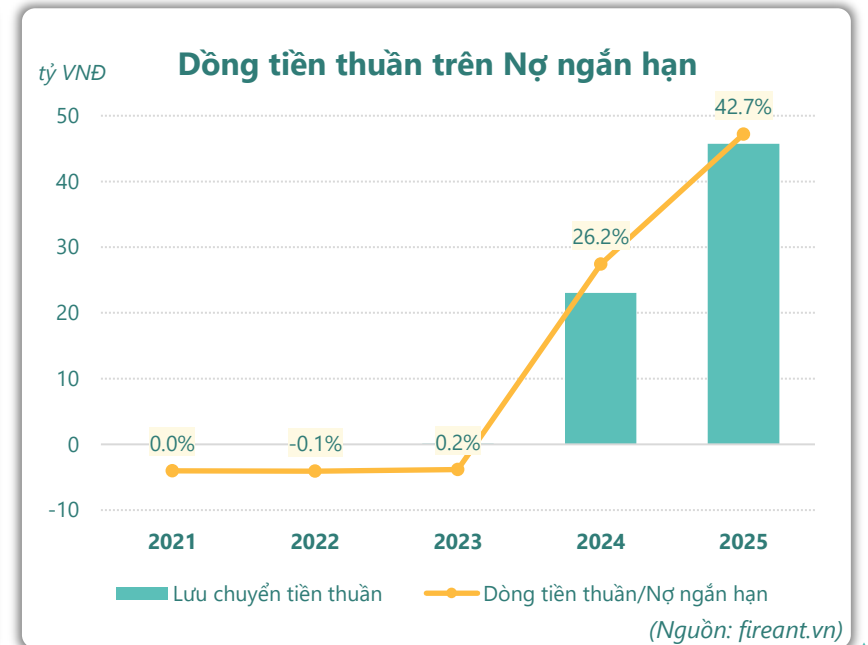
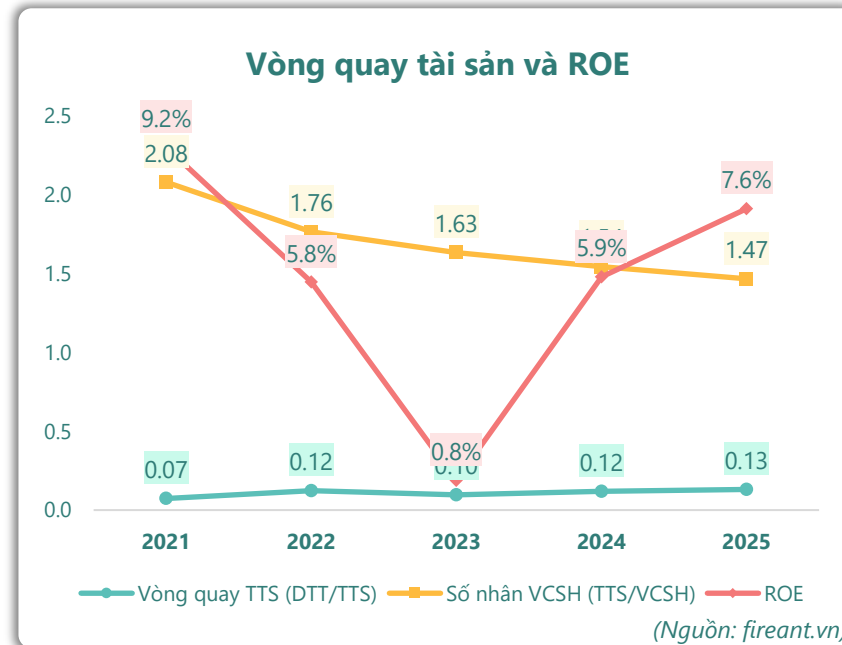
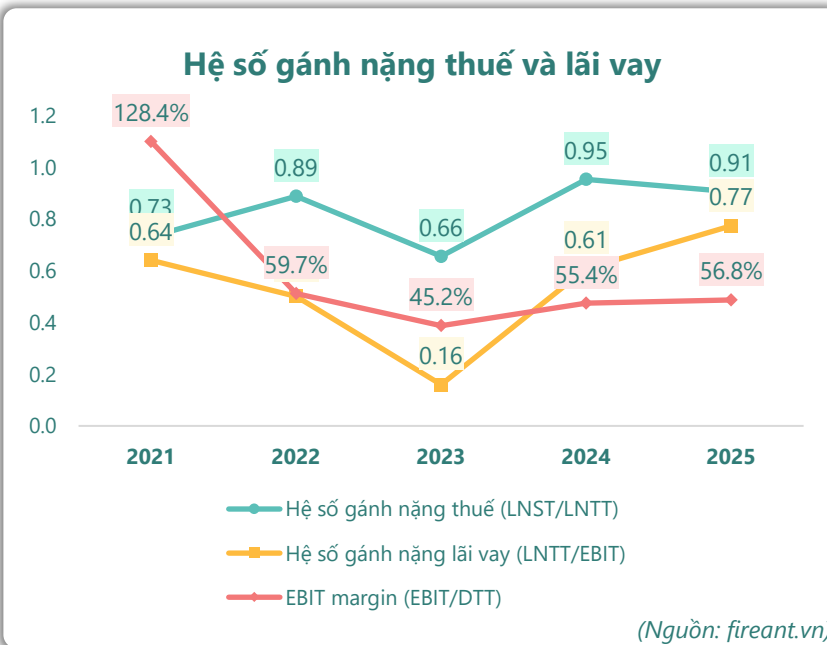
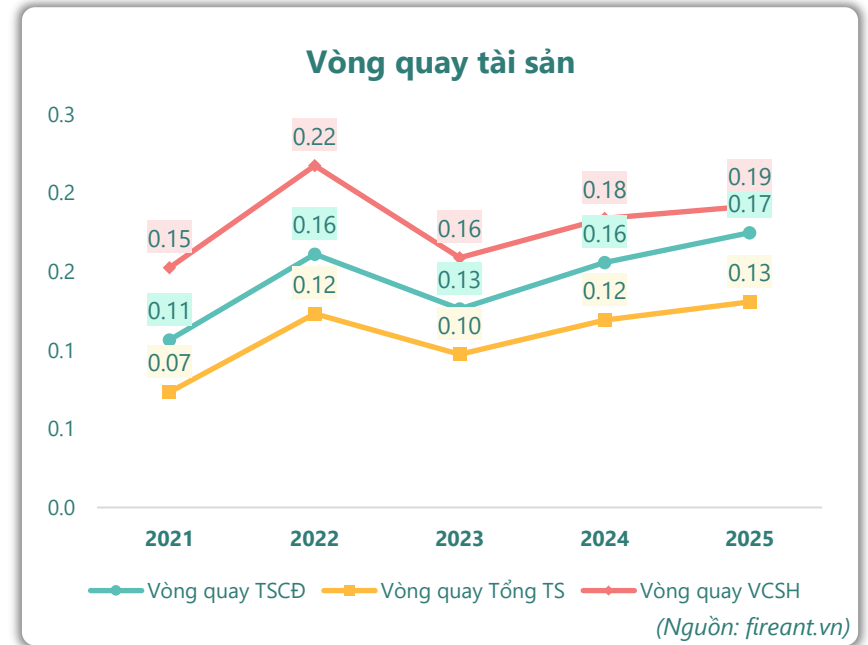
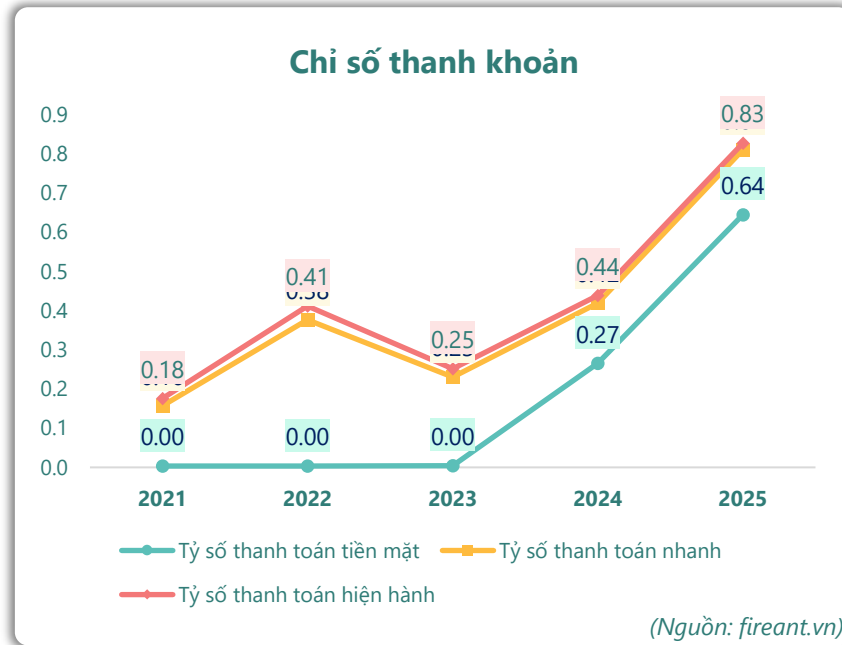
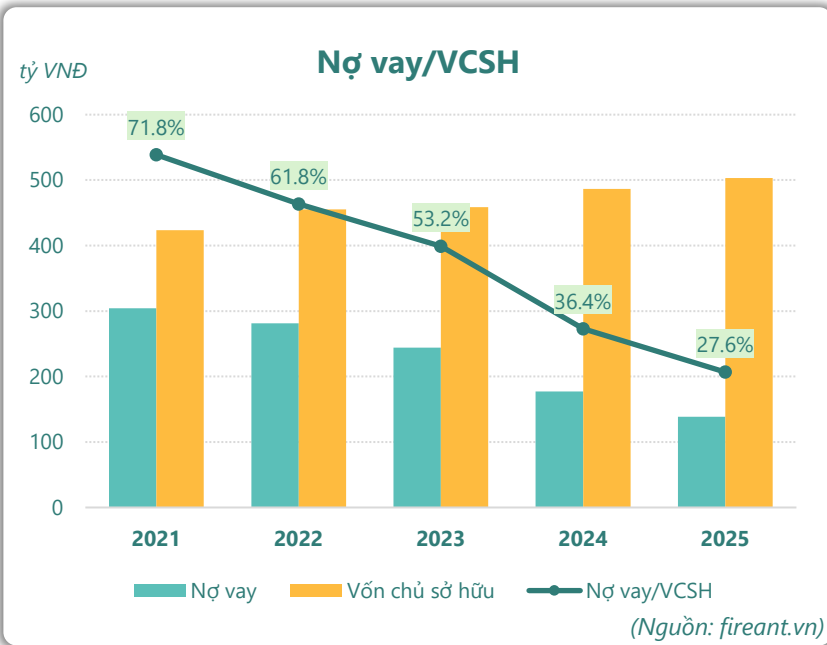
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	29.1	23.9	21.6%	94.9	87.0	9.2%
Giá vốn hàng bán	11.0	10.2	8.2%	38.0	34.9	8.9%
Lợi nhuận gộp	18.0	13.7	31.7%	56.9	52.1	9.3%
Doanh thu HĐTC	1.04	0.00		4.74	3.67	29.4%
Chi phí TC	2.74	3.93	-30.2%	12.3	19.1	-35.5%
Chi phí lãi vay	2.72	3.93	-30.7%	12.2	18.8	-35.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0.02	-100%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.14	2.41	-11.1%	7.58	6.68	13.4%
LN thuần từ HĐKD	14.2	7.36	92.8%	41.8	29.9	39.5%
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.01	-119%	-0.03	-0.64	94.6%
LN trước thuế	14.2	7.35	92.8%	41.7	29.3	42.5%
Lợi nhuận sau thuế	11.3	6.52	73.6%	37.8	27.9	35.4%
LNST của CĐ cty mẹ	11.3	6.52	73.6%	37.8	27.9	35.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.9	41.0	-8.45	14.9	17.0	40.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.55	-4.50	53.8	-3.79	0.10	-10.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.7	-19.8	-19.1	-20.0	-8.85	-9.92
Tiền đầu kỳ	1.45	2.15	23.4	49.6	40.7	49.0
Lưu chuyển tiền thuần	0.71	16.7	26.3	-8.89	8.28	20.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.15	18.9	49.6	40.7	49.0	69.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	723	728	-0.6%
Tài sản ngắn hạn	88.6	38.5	130%
Tiền và tương đương tiền	69.1	23.4	196%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	17.4	12.7	36.6%
Hàng tồn kho	1.79	1.71	5.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.72	-48.8%
Tài sản dài hạn	635	689	-7.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	537	549	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	90.8	131	-30.5%
Tài sản dài hạn khác	6.92	9.68	-28.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	220	241	-8.7%
Nợ ngắn hạn	107	87.9	21.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.9	24.9	7.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.88	7.75	-36.9%
Nợ dài hạn	113	153	-26.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	112	152	-26.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	503	486	3.4%
Vốn chủ sở hữu	503	486	3.4%
Vốn điều lệ	405	405	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

